

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUỲNH PHỤ  
TỈNH THÁI BÌNH**

Bản án số: 08/2022/DS -ST

Ngày: 20 - 9 - 2022

V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Doanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đào Duy Thiều

2. Ông Phạm Văn Diễm

- *Thư ký phiên tòa:* bà Nguyễn Thị Gien Ny - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2022 về “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1940

Nơi cư trú: Thôn N, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: + Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1962

+ Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1964

Đều cư trú: Thôn N, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1967

+ Anh Nguyễn Văn L2, sinh năm 1970

+ Chị Nguyễn Thị L3, sinh năm 1972

+ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1981

+ Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1985 (vợ anh T)

Đều cư trú: Thôn N, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

+ Chị Nguyễn Thị L4, sinh năm 1974

Nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình

(có mặt ông C, anh H, anh D, anh L, chị L2, anh T; vắng mặt chị L3, chị T2 đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là ông Nguyễn Văn C trình bày:*

Ông và bà Lê Thị L6, sinh năm 1939 (chết năm 2017) là vợ chồng. Quá trình chung sống ông và bà L6 có 07 người con chung là: Anh Nguyễn Văn H sinh năm 1962, anh Nguyễn Văn D sinh năm 1964, Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1967; anh Nguyễn Văn L2 sinh năm 1970; chị Nguyễn Thị L3 sinh năm 1972; anh Nguyễn Văn T sinh năm 1981; chị Nguyễn Thị L4 sinh năm 1974. Ông và bà L6 không có con riêng, con nuôi. Năm 2017 bà L6 chết không để lại di chúc. Cha mẹ bà L6 đều đã chết. Những người đồng thừa kế không thống nhất được việc phân chia di sản.

Quá trình chung sống ông và bà L6 có các tài sản chung gồm: thửa đất số 43, tờ bản đồ số 40 cấp ngày 06/6/2012 mang tên ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị L6 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, địa chỉ thửa đất tại: thôn N, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình, diện tích đất 283,5 m<sup>2</sup> (trong đó 150 m<sup>2</sup> đất ở nông và 133,5 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm) và Nhà 1 tầng mái ngói (xây năm 2014) diện tích 19,1 m<sup>2</sup>; Nhà phụ (bếp) diện tích 5,8 m<sup>2</sup>, Nhà chăn nuôi lợn Fibro xi măng diện tích 16,3 m<sup>2</sup>, Lán lợn Fibro xi măng diện tích 22,8 m<sup>2</sup>. Vợ chồng anh T, chị T2 có xây dựng công trình trên đất của vợ chồng ông C và bà L6 gồm: Nay ông C làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên một mình ông nhưng anh H và anh D không ký để ông làm sổ đỏ. Do đó ông làm đơn này đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của bà Lê Thị L6. Ông nhận sở hữu toàn bộ di sản thừa kế của bà L6 bằng hiện vật và chia trả chênh lệch về tài sản cho các hàng thừa kế còn lại. Ông C nhất trí với kết quả thẩm định và định giá tài sản. Nếu các anh, chị cho ông phần di sản mà các anh chị được hưởng thì ông nhất trí nhận di sản và ông nhận chịu án phí đối với phần di sản ông được hưởng từ chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn L2, chị Nguyễn Thị L3, anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị L4.

**Bị đơn anh Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn D thống nhất trình bày:**

Các anh xác nhận lời khai của ông C về quá trình ông C và bà L6 kết hôn. Ông C, bà L6 có 07 người con, bà L6 Chết năm 2017 không để lại di chúc. Nay ông C yêu cầu chia sản thừa kế của bà L6 để lại các anh không đồng ý vì: Các anh muốn giữ lại 02 gian nhà các anh xây dựng cho ông C bà L6 để có nơi anh em con cháu về quy tụ cũng như giữ lại phần đất của ông C, bà L6 để làm chốn tâm linh cho 07 anh em. Và để những lúc ông C ốm đau anh em con cháu có chỗ đi lại thăm nom ông C không phải phiền đến ai. Các anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông C đối với phân chia di sản thừa kế của bà Lê Thị L6. Các anh xác định diện tích đất của ông C và bà L6 là 530 m<sup>2</sup>, khi bà L6 còn sống tách ra làm 2 thửa cho em Lập và em Thành, việc cho đất này không bàn bạc với các anh. Anh H, anh D có ý kiến đề nghị ông C làm rõ diện tích đất của ông C, bà L6. Anh H có ý kiến nếu phải chia di sản thừa kế của bà L6 thì anh sẽ nhận phần anh được hưởng trị giá bằng tiền.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn L2, Chị Nguyễn Thị L3, chị Nguyễn Thị L4, Nguyễn Thị T2 quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt và tại phiên tòa thống nhất trình bày:*

Các anh xác nhận lời khai của ông C về quá trình ông C và bà L6 kết hôn. Ông C bà L6 có 07 người con, bà L6 Chết năm 2017 không để lại di chúc. Nay ông C yêu cầu chia di sản thừa kế của bà L6 thì các anh, chị hoàn toàn nhất trí với yêu cầu của ông C, đối với phần các anh, chị được hưởng các anh, chị cho hết ông C và không yêu cầu ông C chia trả chênh lệch về tài sản. Các anh, chị nhất trí với kết quả thẩm định và định giá tài sản.

Đối với tài sản vợ chồng anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị T2 làm trên đất của ông C, bà L6 thì anh T, chị T2 không có ý kiến gì, không yêu cầu ông C và các hàng thừa kế phải chia trả chênh lệch về tài sản cho anh chị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Hồ sơ vụ án từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đã lập và thu thập đầy đủ các tài liệu và chứng cứ, tuân thủ đúng trình tự luật định. Tại phiên tòa việc xét xử vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự pháp luật. Đối với đương sự trong các giai đoạn tố tụng và tại phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 611, 612, 613, 623, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự; Điều 33 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12, 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về hướng giải quyết: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Giao cho Nguyên đơn quản lý sử dụng thửa đất số 43, tờ bản đồ số 40 cấp ngày 06/6/2012 mang tên ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị L6, địa chỉ thửa đất tại: thôn N, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; cùng toàn bộ các tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu của ông C, bà L6. Ông Nguyễn Văn C phải hoàn lại cho anh Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn D giá trị kỷ phần anh H, anh D mỗi người được chia từ thừa kế tài sản của bà L6 là 23.833.000 đồng (*hai mươi ba triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng*). Nguyên đơn nhận chịu toàn bộ chi phí thẩm định đo đạc, định giá tài sản.

+ Về án phí: Anh H, anh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với kỷ phần được hưởng theo quy định của pháp luật. Riêng ông C là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí. Ông C phải chịu án phí đối với kỷ phần ông được hưởng từ chị L3, anh L, chị L2, anh T, chị Lịu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[2] Về thủ tục tố tụng:**

[2.1] *Về thẩm quyền:* Ông Nguyễn Văn C khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn D về việc chia thừa kế về tài sản của bà Lê Thị L6. Đây là quan hệ pháp luật “*Tranh chấp thừa kế về tài sản*”. Bị đơn anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn D hiện đang cư trú tại thôn N, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

[2.2] *Về thời hiệu khởi kiện:* Bà Lê Thị L6 chết ngày 23/8/2017, ngày 22/12/2021 ông Nguyễn Văn C khởi kiện tại Tòa yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu chung của ông C, bà L6. Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 “... *Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản thừa kế là 30 năm đối với bất động sản,... kể từ thời điểm mở thừa kế ...*” cho nên thời hiệu khởi kiện chia di sản của bà L6 vẫn còn.

#### **[3] Về nội dung:**

Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và biên bản định giá tài sản lập ngày 17/6/2022, tài sản có tranh chấp là quyền sử dụng đất thửa 43, tờ bản đồ số 40 diện tích thực tế là 283,5 m<sup>2</sup> (trong đó 150 m<sup>2</sup> đất ở nông thôn trị giá 2.350.000 đồng/m<sup>2</sup> x 150 m<sup>2</sup> = 352.500.000 đồng và 133,5 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm giá trị 45.000 đồng/m<sup>2</sup> x 133,5 = 6.007.500 đồng) tọa lạc tại thôn N, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN CH 00335 do Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Phụ cấp ngày 06/6/2012 cho ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị L6. Tổng trị giá đất là 358.507.500 đồng.

Trên đất có: Nhà 1 tầng mái bằng diện tích 54,1 m<sup>2</sup>, Nhà 1 tầng mái bằng (xây năm 2009) diện tích 39,2 m<sup>2</sup>, Sân bê tông diện tích 99,6 m<sup>2</sup>, Nhà 1 tầng mái ngói (xây năm 2014) diện tích 19,1 m<sup>2</sup>, Nhà phụ (bếp) diện tích 5,8 m<sup>2</sup>, Nhà chăn nuôi lợn Fibro xi măng diện tích 16,3 m<sup>2</sup>, Lán lợn Fibro xi măng diện tích 22,8 m<sup>2</sup>, Bể nước diện tích 5,4 m<sup>2</sup>, Tường bao, cổng dậu. Đã được định giá từng hạng mục có tổng giá trị tài sản xây dựng là 171.739.000 đồng (*một trăm bảy mươi một triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn đồng*). Trong đó tài sản của ông C bà L6 xây dựng gồm: Nhà 1 tầng mái ngói (xây năm 2014) diện tích 19,1 m<sup>2</sup>, Nhà phụ (bếp) diện tích 5,8 m<sup>2</sup>, Nhà chăn nuôi lợn Fibro xi măng diện tích 16,3 m<sup>2</sup>, Lán lợn Fibro xi măng diện tích 22,8 m<sup>2</sup> có tổng trị giá 22.818.000 đồng; tài sản còn lại do vợ chồng anh T, chị T2 xây dựng, thuộc sở hữu của vợ chồng anh T, chị T2.

Tổng trị giá đất và tài sản trên đất của ông C, bà L6 là: 381.325.500 đồng (*Ba trăm tám mươi một triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm đồng*). Hội đồng xét xử nhận thấy đây là tài sản chung của ông C, bà L6 tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân nên mỗi người hưởng ½ khối tài sản có giá trị là 190.662.750 đồng.

Bà Lê Thị L6 chết ngày 23/8/2017, không để lại di chúc. Cha mẹ bà L6 đều đã chết. Bà L6 và ông C có 07 người con chung là anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn D, Chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn L2, chị Nguyễn Thị L3, anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị L4. Bà L6 không có con riêng, con nuôi. Như vậy hàng thừa kế thứ nhất của bà L6 gồm 8 người là ông C, anh H, anh D, chị L3, anh L, chị L2, anh T, chị Lịu. Mỗi hàng thừa kế hưởng giá trị di sản của bà L6 là 190.662.750 đồng : 8 = 23.833.000 đồng.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt thì Chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn L2, chị Nguyễn Thị L3, anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị L4 đều có ý kiến đối với phần di sản các anh các chị được hưởng từ bà L6 thì các anh các chị cho hết ông C và không yêu cầu ông C chia trả chênh lệch về tài sản. Như vậy ông C được hưởng 6/8 di sản do bà L6 để lại, cộng với việc ông được quản lý sử dụng nửa khối tài sản chung của ông và bà L6 tại lô đất thửa 43, tờ bản đồ số 40 diện tích thực tế là 283,5 m<sup>2</sup> tọa lạc tại thôn N, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Đối với ý kiến của anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn D về việc diện tích đất của ông C và bà L6 là 530 m<sup>2</sup>, tuy nhiên các anh không có đơn yêu cầu Tòa án chia diện tích đất nào ngoài diện tích đất 283,5 m<sup>2</sup> mà ông C yêu cầu chia, do đó hội đồng xét xử không xét. Hội đồng xét xử nhận thấy diện tích đất ở là di sản thừa kế của bà L6 không đủ diện tích tối thiểu tách thửa theo quy định của Luật dân sự và Luật đất đai. Mặt khác, bị đơn anh H, anh D xác định hiện nay đã có nơi cư trú ổn

định ở thửa đất khác, anh H có ý kiến nếu phải chia di sản thừa kế của bà L6 thì anh sẽ nhận phần di sản anh được hưởng trị giá bằng tiền. Vì vậy yêu cầu hoàn giá trị di sản của nguyên đơn đối với bị đơn là phù hợp pháp luật và phù hợp thực tế nên hội đồng xét xử chấp nhận.

Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành đo đạc thẩm định và định giá tài sản với chi phí là 4.500.000 đồng. Ông C nhận chịu toàn bộ chi phí thẩm định và định giá tài sản (ông C đã thanh toán xong).

[4] *Về án phí*: Ông C là người cao tuổi có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn án phí; Ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần di sản thừa kế ông được hưởng từ Chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn L2, chị Nguyễn Thị L3, anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị L4. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần di sản thừa kế được hưởng.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự;

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 74; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 158; Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 611, Điều 612, Điều 613, 623, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 33 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 12, Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### ***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C về việc chia di sản thừa kế của bà Lê Thị L6:

Giao cho ông Nguyễn Văn C quản lý sử dụng quyền sử dụng đất thửa 43, tờ bản đồ số 40 diện tích thực tế là 283,5 m<sup>2</sup> tọa lạc tại thôn N, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu của ông C, bà L6 số vào sổ cấp GCN CH 00335 do Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Phụ cấp ngày 06/6/2012 cho ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị L6.

Ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ hoàn lại cho anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn D mỗi người số tiền là 23.833.000 đồng (hai mươi ba triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng).

2. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Ông C nhận chịu toàn bộ chi phí thẩm định và định giá tài sản là 4.500.000 đồng (ông C đã thanh toán xong).

3. Về án phí: Ông C được miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với phần di sản ông được hưởng; Ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần di sản thừa kế ông được hưởng từ Chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn L2, chị Nguyễn Thị L3, anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị L4 là 5.958.000 đồng. Anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn D mỗi người phải chịu 1.192.000 đồng.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải*

*chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.*

*Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**4. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*(Kèm theo Bản án số 08/2022/DS-ST, ngày 20/8/2022 là 01 sơ đồ hiện trạng thửa đất).*

**Nơi nhận**

- Dương sự;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Quốc Doanh**